TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2018
"V/v ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG-TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Xuân Hiền** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Thanh Vân** và bà **Nguyễn Thị Thùy Liễu**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Diệu Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 620/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXX-ST ngày 05/01/2018; quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Khánh L**, sinh năm 1989; HKTT: số 11B HBT, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Hiện trú tại: 59/53 TG, phường THĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(chị L có mặt tại phiên tòa)*.

Bị đơn: Anh **Lưu Mạnh T**, sinh năm 1988; HKTT và trú tại: số 11B HBT, phường QT, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(anh T vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án là chị Lê Khánh L trình bày: Chị và anh Lưu Mạnh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường QT, thành phố Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/4/2012. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc được thời gian khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách sống cũng như làm ăn kinh tế mà không có biện pháp gì để cải thiện. Cách thời điểm chị L khởi kiện khoảng gần 01 năm vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay chị L xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị và anh T không còn tình cảm và không thể chung

sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Lưu Đăng K, sinh ngày 26/01/2013. Hiện nay, con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung; vợ chồng không có nợ chung; không có công sức chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại các biên bản lấy lời khai bà Lê Thúy N (mẹ đẻ anh T) trình bày: Anh Lưu Mạnh T và chị Lê Khánh L kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, trong cuộc sống chung do điều kiện kinh tế làm ăn không thuận lợi nên giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh T đi làm ăn xa thỉnh thoảng vẫn về nhà nhưng không cho bà biết địa chỉ cụ thể. Nay chị L xin ly hôn, quan điểm của bà N xác định anh T chị L đã có sự xa cách về tình cảm, sự quan tâm chia sẻ với nhau không có, cuộc sống có nhiều áp lực và khó có thể hòa thuận chung sống hạnh phúc được với nhau nên đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết theo yêu cầu của chị L.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện, anh Lưu Mạnh T có gửi bản tự khai thể hiện quan điểm xác định vợ chồng kết hôn là tự nguyện, trong cuộc sống có phát sinh mâu thuẫn do nguyên nhân vợ chồng không hòa hợp. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo đề nghị của chị L; về con chung xác định có một con chung là Lưu Đăng K, sinh ngày 26/01/2013, anh T đề nghị giao con chung cho chị L nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung và công sức anh T không yêu cầu giải quyết. Anh T đề nghị được vắng mặt.

Tại phiên toà:

Chị Lê Khánh L trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Anh Lưu Mạnh T vắng mặt.

Đại diện VKSND thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của

đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện VKSND thành phố Hải Dương về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố Hải Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án thành phố Hải Dương đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Lưu Mạnh T theo đúng quy định tại Khoản 5 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh T vắng mặt không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cuộc sống vợ chồng của chị L anh T có nhiều mâu thuẫn kéo. Nguyên nhân do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như làm ăn kinh tế. Cách khoảng 01 năm trở lại đây vợ chồng anh chị sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nội dung mâu thuẫn, thời gian ly thân cũng đã được anh T xác nhận ; bản thân chị L và anh T đều xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên đều xác định việc ly hôn sẽ xảy ra. Xét thấy cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T có nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị đều đã nhất trí ly hôn nên cần giải quyết cho chị L được ly hôn anh T để đảm bảo cuộc sống cho hai bên.

Về con chung:

Cháu Lưu Đăng K còn nhỏ, cần được giao cho bố hoặc mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Quá trình chuẩn bị xét xử, ý kiến chị L và anh T đều xác định giao cháu K cho mẹ nuôi dưỡng. Xét điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo cho con chung phát triển toàn diện, cháu K hiện đang ở với mẹ, chị L có đủ điều kiên thời gian, vật chất, anh T thường làm ăn xa, không ở nơi nào cố định nên không có điều kiện chăm sóc, giáo dục con nên cần giao cháu K cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L, anh T đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không có công sức chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí Tòa án, nghị quyết 326 của Quốc hội.

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị xử chấp nhận cho chị Lê Khánh L được ly hôn anh Lưu Mạnh T.

Con chung: Xử giao cháu Lưu Đăng K cho chị Lê Khánh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Hai bên xác định không có nên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Khánh L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Lưu Mạnh T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh T biết về việc khởi kiện, tuy nhiên anh T vắng mặt. Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt văn bản tố tụng đối với anh T thông qua người thân, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh T nhưng anh T đề nghị vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là phù hợp với điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được UBND phường QT cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/4/2012. Do trong cuộc sống sinh hoạt cũng như làm ăn kinh tế vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn, cách thời điểm chị L khởi kiện ly hôn vợ chồng đã ly thân nhau mỗi người một nơi không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh T có biết nhưng anh vẫn vắng mặt và trình bày quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị L anh T là có thật và không có điều kiện để cải thiện nên quan hệ hôn nhân giữa chị L anh T không đạt được mục đích như hai bên đã thừa nhận là nội dung không phải chứng minh. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L anh T có một con chung là Lưu Đăng K, sinh ngày 26/01/2013. Hiện nay con chung đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T đã thể hiện quan điểm đồng ý cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung và chị L hiện làm tại công an tỉnh Hải Dương với mức thu nhập hơn 8 triệu đồng một tháng đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con. Do vậy cần giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L và anh T xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L và bị đơn anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

XỬ:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Khánh L và anh Lưu Mạnh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Lưu Đăng K, sinh ngày 26/01/2013 cho chị Lê Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lưu Mạnh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Khánh L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2016/0002517 ngày 21/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương *(chị L đã nộp đủ án phí)*.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THA DS TPHD;
- Các đương sự;
- UBND phường QT, TPHD (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP (HCTP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hiền